

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LINH
TỈNH QUẢNG TRỊ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/8/2023
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lư;
Bà Lê Thị Hảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại: Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị T, sinh năm 1991; trú tại: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Q (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Công T, sinh năm 1996; trú tại: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 01 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:

- Về tình cảm: Chị T và anh Lê Công T yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Q vào ngày 09/3/2022. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, nhưng sau đó thường xảy ra mâu thuẫn với lý do: Tính cách không còn hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến việc chị T và anh T đã không còn sống chung với nhau. Mặc dù, chị T đã tìm mọi cách khắc phục để tiếp tục xây dựng cuộc sống hôn nhân

nhưng anh T vẫn cố tình không hợp tác. Nay, chị T nhận thấy tình cảm đã phai nhạt, cuộc sống chung giữa hai vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên T xin được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là cháu Hà Gia B, sinh ngày 01/8/2022. Hiện nay, cháu B đang ở với chị T và chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khẳng định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Công T:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T nhưng anh T không có mặt và cũng không có ý kiến gì. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh T đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án:

Tòa án đã tiến hành xác minh quá trình sinh sống và quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T tại địa phương đối với Phó trưởng thôn H, xã H, ông Lê Công T là bố ruột anh T. Tòa án cũng đã nhận được xác nhận của UBND xã P, huyện L, tỉnh Q.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Hà Thị T: Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Lê Công T: Vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Tiến hành các thủ tục tố tụng cần thiết để nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị T đối với anh Lê Công T. Giao con chung là cháu Hà Gia B, sinh ngày 01/8/2022 cho chị Hà Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận việc chị Hà Thị T không yêu cầu anh Lê Công T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị T khẳng định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xét. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Hà Thị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Công T và yêu cầu giao nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Công T có nơi đăng ký cư trú tại thôn H, xã H, huyện V. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Lê Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; chị Hà Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hà Thị T và anh Lê Công T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Quảng B vào ngày 09/3/2022 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 14). Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị T và anh T chung sống hạnh phúc, cùng nhau xây dựng gia đình, có với nhau 01 con chung sinh năm 2022, nhưng sau đó theo trình bày của chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn, lý do: Tính cách không còn hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến việc chị T và anh T đã không còn sống chung với nhau. Mặc dù, chị T đã tìm mọi cách khắc phục để tiếp tục xây dựng cuộc sống hôn nhân nhưng anh T vẫn cố tình không hợp tác. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh T để tiến hành làm việc nhưng anh T vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì, chứng tỏ anh T bỏ mặc, không có thiện chí muốn khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Tòa án đã tiến hành xác minh quá trình sinh sống và quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T tại địa phương, gia đình nơi anh T cư trú và sinh sống, kết quả: Sau khi kết hôn chị T và anh T sống hạnh phúc cùng gia đình ông Lê Công T tại thôn H, xã H, huyện V được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên xảy ra cãi vã nên đã không còn sống chung với nhau và cũng không sống chung với gia đình ông T. Anh T chỉ thỉnh thoảng về tại địa phương nơi đăng ký cư trú.

Ngày 30/6/2023, UBND xã P, huyện L, tỉnh Q, xác nhận: Chị T và con là cháu Hà Gia B hiện đang sinh sống tại địa phương và không sống cùng anh T.

Xét thấy, trình bày của chị T là phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, thực tế mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh T đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị T yêu cầu được ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung:

Theo hồ sơ vụ án và trình bày của chị T thì chị T và anh T có 01 con chung là cháu Hà Gia B, sinh ngày 01/8/2022. Hiện nay, cháu B đang ở với chị T tại xã P, huyện L, tỉnh Q. Xét thấy, cháu B dưới 36 tháng tuổi (12 tháng tuổi), đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu B nên việc xem xét giao cháu B cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế, phù hợp với nguyện vọng của chị T và đúng theo quy định tại Điều 81, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị T có quyền yêu cầu anh Lê Công T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, chị T không yêu cầu anh Lê Công T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Chị T, anh T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật khi thấy cần thiết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Hà Thị T khẳng định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Lê Công T vắng mặt và không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí:

Đây là vụ án ly hôn, vì vậy nguyên đơn chị Hà Thị T phải có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị T và anh Lê Công T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T. Chị Hà Thị T được ly hôn anh Lê Công T.

[2]. Về con chung:

Giao Hà Gia B, sinh ngày 01/8/2022 cho chị Hà Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động;

Ghi nhận chị Hà Thị T không yêu cầu anh Lê Công T cấp dưỡng nuôi con;

Anh Lê Công T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở;

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con;

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Hà Thị T khẳng định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Lê Công T vắng mặt và không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu số tiền: 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: 0000228 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Chị Hà Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Chị Hà Thị T, anh Lê Công T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn; Bị đơn;
- VKSND H.Vĩnh Linh;
- CC THADS H.Vĩnh Linh;
- UBND X. P, H.L, T.Q;
- TAND T. Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Đức Minh

